

Thời gian trình hồ sơ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, Huân chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” cho tập thể có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

2. Thời gian Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Việc xem xét hồ sơ đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 45 của Nghị định này và Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

3. Thời gian thẩm định đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng cấp Nhà nước tại bộ, ban, ngành, tỉnh:

Việc đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng cấp Nhà nước, trong thời hạn 30 ngày làm việc (40 ngày làm việc đối với các hình thức khen thưởng: “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Sao vàng”; danh hiệu Anh hùng, danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng:

a) Trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ khen thưởng theo quy định, Bộ Nội vụ thực hiện trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc, Bộ Nội vụ thông báo bằng văn bản trả lại hồ sơ cho bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng; văn bản thông báo phải nêu rõ căn cứ pháp lý trả lại hồ sơ khen thưởng.

Trường hợp kết quả thẩm định của Bộ Nội vụ khác với đề nghị của bộ, ban, ngành, tỉnh về hình thức khen thưởng, mức hạng khen thưởng, loại hình khen thưởng thì Bộ Nội vụ phải thống nhất với bộ, ban, ngành, tỉnh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Trường hợp Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định khen thưởng nhưng Thủ tướng Chính phủ không quyết định khen thưởng hoặc không đề nghị Chủ tịch nước quyết định khen thưởng hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng nhưng Chủ tịch nước không khen thưởng thì sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Văn phòng Chính phủ hoặc Văn phòng Chủ tịch nước về việc không khen thưởng, Bộ Nội vụ thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng đến bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Trường hợp được Chủ tịch nước khen thưởng, sau khi nhận được Quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Bộ Nội vụ sao, gửi Quyết định đến bộ, ban, ngành, tỉnh;

d) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc đối với các Quyết định khen thưởng có dưới 100 trường hợp và trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với các Quyết định khen thưởng có từ 100 trường hợp trở lên (không bao gồm thời gian đóng dấu bằng), Bộ Nội vụ cấp phát hiện vật khen thưởng, bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng có trách nhiệm đến nhận đồng bộ hiện vật khen thưởng và cấp phát cho các tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Điều 36. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ, báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;

c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;

d) Quyết định hoặc xác nhận của người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc; xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an về sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc;

đ) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này (nếu có).

3. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng.

Điều 37. Hồ sơ, thủ tục xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Chính phủ ủy quyền cho Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”. Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ, thủ tục, thành tích trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;
- c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;
- d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này (nếu có).

3. Việc đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức được thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

4. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng.

Điều 38. Hồ sơ, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại (trừ Huân chương Hữu nghị)

1. Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định.

2. Việc xét tặng hoặc truy tặng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh” thực hiện theo thông báo ý kiến của Bộ Chính trị về xét tặng thưởng Huân chương bậc cao.

3. Hồ sơ đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại, mỗi loại có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;
- c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;
- d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này (nếu có).

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cá nhân, tập thể người nước ngoài và cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài có 01 bộ (bản chính) gồm: Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh; báo cáo tóm tắt thành tích cá nhân, tập thể do cơ quan trình khen thưởng thực hiện và văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

Điều 39. Thủ tục xét tặng hoặc truy tặng “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”

1. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” được xét tặng hoặc truy tặng hàng năm vào dịp Quốc khánh 02 tháng 9 và ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất ngày 18 tháng 11.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, đề xuất cá nhân đủ tiêu chuẩn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ trưởng, Thủ trưởng ban, ngành, lãnh đạo cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội trình Thủ tướng Chính phủ.

Bộ, ban, ngành, tỉnh lấy ý kiến của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Điều 40. Hồ sơ, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng Huy chương các loại (trừ Huy chương Hữu nghị)

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Huy chương có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Bản danh sách trích ngang của các trường hợp đề nghị khen thưởng.

2. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng.

Điều 41. Hồ sơ, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”

1. Trên cơ sở đề nghị của bộ, ban, ngành, tỉnh, Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của cơ quan chức năng có liên quan, căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn và ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;

c) Biên bản xét khen thưởng và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;

d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này (nếu có).

3. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

Điều 42. Hồ sơ, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;

c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;

d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cá nhân, tập thể người nước ngoài và cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài có 01 bộ (bản chính) gồm: Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh; báo cáo tóm tắt thành tích cá nhân, tập thể do cơ quan trình khen thưởng thực hiện và văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

Điều 43. Thủ tục đề nghị tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu, giải thưởng của Việt Nam đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; hồ sơ, thủ tục nhận Huân chương, Huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài và tổ chức quốc tế trao tặng

Thủ tục đề nghị tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu, giải thưởng của Việt Nam đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; thủ tục, hồ sơ nhận Huân chương, Huy

chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài và tổ chức quốc tế trao tặng cho cá nhân, tổ chức Việt Nam được thực hiện theo quy định của Đảng về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại và quy định tại Nghị định này.

Điều 44. Công khai cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng

1. Bộ Nội vụ lấy ý kiến Nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ đối với danh hiệu “Tỉnh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” trong thời hạn 10 ngày làm việc (trừ trường hợp khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

2. Người có thẩm quyền đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng huân chương và danh hiệu vinh dự nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” có trách nhiệm công khai danh sách cá nhân, tập thể trên các phương tiện truyền thông thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh (Báo, Cổng thông tin điện tử, Đài phát thanh - truyền hình...) ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh (trừ trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản). Việc lấy ý kiến của Nhân dân trên phương tiện thông tin truyền thông và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh trước khi trình cấp trên khen thưởng và được nêu trong Biên bản xét khen thưởng của bộ, ban, ngành, tỉnh.

Chương VI

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRUNG ƯƠNG

Điều 45. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng và Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng, có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 90 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ tướng Chính phủ;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Phó Chủ tịch nước là Phó Chủ tịch thứ nhất; Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Phó Chủ tịch thường trực; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là Phó Chủ tịch Hội đồng;

c) Các Ủy viên Hội đồng.

3. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương quyết định thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng, Thường trực Hội đồng, các Ủy viên Hội đồng, cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng; ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

4. Hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương:

a) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số, các ý kiến khác nhau của các Ủy viên Hội đồng về việc đề xuất các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng đều được báo cáo với Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng để xem xét, quyết định;

b) Hội đồng họp định kỳ 06 tháng một lần để đánh giá công tác của Hội đồng, tổng hợp tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng của cả nước, triển khai nhiệm vụ 06 tháng tiếp theo và cho ý kiến giải quyết những vấn đề cần thiết khác. Hội đồng có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Chủ tịch Hội đồng chủ trì hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng chủ trì phiên họp.

Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên tham dự. Đối với phiên họp có nội dung về xem xét đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng phải có ít nhất 80% tổng số Ủy viên Hội đồng tham dự. Các trường hợp được đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng phải đạt từ 90% trở lên số phiếu đồng ý của các Ủy viên Hội đồng (nếu Ủy viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

Thường trực Hội đồng họp thường kỳ 03 tháng một lần. Phó Chủ tịch thứ nhất và Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thường xuyên xem xét, kiểm tra tiến độ việc thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng; Thường trực Hội đồng có trách nhiệm tham mưu, cho ý kiến về việc tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” theo đề nghị của cơ quan thường trực giúp việc Hội đồng. Các trường hợp được đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt từ 90% trở lên số phiếu đồng ý của các thành viên Thường trực Hội đồng (nếu thành viên Thường trực Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản);

c) Thành lập, hướng dẫn tổ chức và hoạt động các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức;

d) Hội đồng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các phong trào thi đua ở các bộ, ban, ngành, tỉnh;

đ) Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các bộ, ban, ngành, tỉnh là quan hệ chỉ đạo, phối hợp. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

5. Bộ Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Chương VII **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Mục 1 **THÀNH LẬP, QUẢN LÝ** **VÀ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 46. Thành lập quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Kiểm toán nhà nước được hình thành:

a) Từ nguồn ngân sách nhà nước với mức tối đa 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

b) Từ nguồn ngân sách nhà nước để chi cho công tác xét tặng các danh hiệu vinh dự Nhà nước và “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, giao về các bộ, ngành chủ trì công tác tổ chức xét tặng theo các đợt.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các ban, ngành, đoàn thể trung ương tự đảm bảo dưới 70% chi thường xuyên được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài; Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các ban, ngành, đoàn thể trung ương tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh, thành phố và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên, được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa

bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh đồng bằng, thành phố trực thuộc trung ương và mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh miền núi, trung du, Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa, khu vực hải đảo và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài. Đối với đơn vị không còn là cấp ngân sách mà thực hiện nhiệm vụ đơn vị dự toán ngân sách thì do thành phố trực thuộc trung ương phân bổ.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước (căn cứ tính chất hoạt động của từng tổ chức, Bộ Tài chính thống nhất tỷ lệ cấp hàng năm) và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc đảm bảo chi một phần và chi đầu tư do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

6. Các doanh nghiệp nhà nước được sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; pháp luật về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước để chi cho nội dung thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

7. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 6 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

8. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề cá, nghề muối và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

9. Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ sở giáo dục tự thực và dân lập được tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

Điều 47. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do Thủ trưởng cơ quan cấp đó quyết định và giao cho cơ quan quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện. Đối với cấp tỉnh, nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng do cơ quan được giao tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh phối hợp với cơ quan tài chính cấp tỉnh quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Người ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi tiền thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật Thi đua, khen thưởng và hạch toán chi theo quy định.

Bộ, ban, ngành, tỉnh; cá nhân, tập thể thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì bộ, ban, ngành, tỉnh đó có trách nhiệm chi thưởng từ ngân sách nhà nước của cấp mình và hạch toán chi thành mục riêng.

Bộ, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì công tác tổ chức xét tặng danh hiệu vinh dự nhà nước và “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” chịu trách nhiệm chi trả tiền thưởng cho cá nhân được khen thưởng và hạch toán chi thành mục riêng.

Điều 48. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng:

a) Chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho thành tích đạt được trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng; chi in, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình. Trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến, học tập, trao đổi kinh nghiệm về thi đua, khen thưởng; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng. Mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Chi tổ chức hoạt động xét tặng các danh hiệu vinh dự nhà nước và “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, kinh phí được hạch toán độc lập ở mỗi đợt tổ chức xét tặng. Mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Bộ Nội vụ chi các khoản kinh phí để in ấn và mua sắm hiện vật khen thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm để cấp phát kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng.

3. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng ngoài việc được tặng các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”; tặng hoặc truy tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng còn được thưởng tiền hoặc tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương theo quy định tại các Điều 50, 51, 52, 53, 54 và Điều 55 của Nghị định này.

4. Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam được khen thưởng được nhận hiện vật khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương theo quy định tại các Điều 50, 51, 52, 53, 54 và Điều 55 của Nghị định này.

5. Mức tiền thưởng đối với bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định đảm bảo cân đối với mức tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định tại Nghị định này.

Mục 2 **MỨC TIỀN THƯỞNG**

Điều 49. Nguyên tắc tính tiền thưởng

1. Tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận danh hiệu thi đua, quyết định hình thức khen thưởng.

2. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

4. Trong cùng một hình thức khen thưởng, cùng một mức khen thưởng, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có thời gian được tính để đạt các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng.

Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có cùng thời gian được tính để đạt các danh hiệu thi đua đó thì được nhận tiền thưởng danh hiệu thi đua cao nhất.

6. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều hình thức khen thưởng, có thời gian, thành tích đạt được các hình thức khen thưởng đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các hình thức khen thưởng tương ứng.

7. Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa được tặng danh hiệu thi đua vừa được quyết định hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

8. Trong trường hợp thực hiện chính sách cải cách tiền lương, Chính phủ sẽ quy định quỹ thi đua khen thưởng và mức tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tặng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

Điều 50. Mức tiền thưởng danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được tặng Bằng chứng nhận, khung, Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu và được thưởng 4,5 lần mức lương cơ sở;

b) Danh hiệu chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng Bằng chứng nhận, khung, Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu và được thưởng 3,0 lần mức lương cơ sở;

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được tặng Bằng chứng nhận, khung và được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;

d) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

2. Đối với tập thể:

a) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được tặng Bằng chứng nhận, khung và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được thưởng 0,8 lần mức lương cơ sở;

c) Danh hiệu xã, phường, đặc khu tiêu biểu được tặng Bằng chứng nhận, khung và được thưởng 2,0 lần mức lương cơ sở;

d) Danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa được tặng Bằng chứng nhận, khung và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

đ) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được tặng cờ và được thưởng 12,0 lần mức lương cơ sở;

e) Danh hiệu cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng cờ và được thưởng 8,0 lần mức lương cơ sở;

g) Danh hiệu cờ thi đua của quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ; cờ thi đua của Đại học Quốc gia được tặng cờ và được thưởng 6,0 lần mức lương cơ sở.

Điều 51. Mức tiền thưởng Huân chương các loại

1. Cá nhân được tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại được tặng Bằng, khung, Huân chương kèm theo mức tiền thưởng như sau:

a) “Huân chương Sao vàng”: 46,0 lần mức lương cơ sở;

b) “Huân chương Hồ Chí Minh”: 30,5 lần mức lương cơ sở;

c) “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, “Huân chương Quân công” hạng nhất: 15,0 lần mức lương cơ sở;

d) “Huân chương Độc lập” hạng Nhì, “Huân chương Quân công” hạng nhì: 12,5 lần mức lương cơ sở;

đ) “Huân chương Độc lập” hạng Ba, “Huân chương Quân công” hạng ba: 10,5 lần mức lương cơ sở;

e) “Huân chương Lao động” hạng Nhất, “Huân chương Chiến công” hạng Nhất, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất”: 9,0 lần mức lương cơ sở;

g) “Huân chương Lao động” hạng Nhì, “Huân chương Chiến công” hạng Nhì, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”: 7,5 lần mức lương cơ sở;

h) “Huân chương Lao động” hạng Ba, “Huân chương Chiến công” hạng Ba, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba và “Huân chương Dũng cảm”: 4,5 lần mức lương cơ sở.

2. Tập thể được tặng thưởng Huân chương các loại được tặng thưởng Bằng, khung, Huân chương kèm theo mức tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 52. Mức tiền thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước

1. Bà mẹ được tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” được tặng Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu, Bằng danh hiệu, khung và được kèm theo mức tiền 15,5 lần mức lương cơ sở.

2. Cá nhân được tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” được tặng Bằng, khung, Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu và được thưởng 15,5 lần mức lương cơ sở.

Tập thể được tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” được tặng Cờ, Bằng, khung, Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu và kèm theo mức tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.

3. Cá nhân được tặng danh hiệu: “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” được tặng thưởng Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu, Bằng khen, khung và mức tiền thưởng đối với danh hiệu “nhân dân” là: 12,5 lần mức lương cơ sở; danh hiệu “ưu tú” là 9,0 lần mức lương cơ sở.

Điều 53. Mức tiền thưởng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước”

1. “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về khoa học và công nghệ và “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học nghệ thuật được cấp Bằng, khung và tiền thưởng 270,0 lần mức lương cơ sở.

2. “Giải thưởng Nhà nước” về khoa học và công nghệ và “Giải thưởng Nhà nước” về văn học nghệ thuật được cấp Bằng, khung và tiền thưởng 170,0 lần mức lương cơ sở.

Điều 54. Mức tiền thưởng Bằng khen, Giấy khen, Kỷ niệm chương

1. Đối với cá nhân:

a) Cá nhân được tặng hoặc truy tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng Bằng, khung và được thưởng 3,5 lần mức lương cơ sở;

b) Cá nhân được tặng hoặc truy tặng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng Bằng, khung và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

c) Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tặng Bằng, khung, Kỷ niệm chương, hộp đựng Kỷ niệm chương và kèm theo mức tiền thưởng không quá 0,8 lần mức lương cơ sở;

d) Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương của bộ, ban, ngành, tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương được tặng Bằng, khung, Kỷ niệm chương, hộp đựng Kỷ niệm chương và kèm theo mức tiền thưởng không quá 0,6 lần mức lương cơ sở;

đ) Cá nhân được tặng Bằng khen của quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ; Bằng khen của Đại học Quốc gia được tặng Bằng, khung và kèm theo mức tiền thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;

e) Cá nhân được tặng Giấy khen quy định tại các điểm a, b, c và điểm đ khoản 1 Điều 75 của Luật Thi đua, khen thưởng được tặng Bằng, khung và kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

2. Đối với tập thể:

a) Tập thể được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng Bằng, khung và được thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này;

b) Tập thể được tặng Bằng khen của quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ; Bằng khen của Đại học Quốc gia được tặng Bằng, khung và được thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

c) Tập thể được tặng Giấy khen các cấp được tặng Bằng, khung và kèm theo tiền thưởng gấp hai lần tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

3. Hộ gia đình được tặng các hình thức khen thưởng được nhận Bằng, khung và mức tiền thưởng bằng 1,5 lần mức tiền thưởng tương ứng với các hình thức khen thưởng tặng cho cá nhân.

Điều 55. Mức tiền thưởng Huy chương

Cá nhân được tặng hoặc truy tặng Huy chương được quy định tại khoản 2 Điều 54 của Luật Thi đua, khen thưởng được tặng Bằng, khung, Huy chương, Hộp đựng Huy chương và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở.

Chương VIII

THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC; THỦ TỤC TƯỚC, PHỤC HỒI VÀ TRAO LẠI DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC; THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Điều 56. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Bộ Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo hồ sơ được quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 57. Hồ sơ, thủ tục tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước

1. Cá nhân, pháp nhân thương mại được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước có hành vi vi phạm thuộc các khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định việc tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

3. Cá nhân, pháp nhân thương mại bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước mà sau đó có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên không có tội, miễn trách nhiệm hình sự hoặc không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng thì được phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.

4. Hồ sơ đề nghị tước, đề nghị phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng trong đó nêu rõ nội dung hoặc giải trình lý do đề nghị và ý kiến của cấp có thẩm quyền.

5. Bộ Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo hồ sơ được quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 58. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng cấp Nhà nước

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định: Tước danh hiệu vinh dự nhà nước, hủy bỏ quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, tập thể, cá nhân có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho bộ, ban, ngành, tỉnh nơi đã trình khen và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Bộ, ban, ngành, tỉnh có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đã nhận đúng thời hạn và gửi về Bộ Nội vụ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định;

c) Bộ Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc bộ, ban, ngành, tỉnh, tổ chức thu hồi hiện vật khen thưởng đã nhận.

2. Thu hồi hiện vật và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền, cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khen thưởng;

b) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo quy định.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 60. Điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục được thông qua hoặc ban hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027, thì quy định tương ứng trong Nghị định này sẽ hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

2. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quyết định hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh chưa ban hành quy định các nội dung được phân cấp theo Nghị định này, thì vẫn áp dụng Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được gửi đến Bộ Nội vụ hoặc các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận khác theo quy định pháp luật về thi đua khen thưởng trước ngày Nghị định này có hiệu lực, việc thẩm định, trình và quyết định khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

4. Việc áp dụng các chức danh tương đương để khen thưởng quá trình cống hiến sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị căn cứ vào quy định của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở.

5. Việc khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Điều 61. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2).

98

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Hòa Bình



Phụ lục
MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG TRONG HỒ SƠ THỦ TỤC KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Nghị định số 152/2025/NĐ-CP
ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Mẫu	Nội dung
1.	Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị khen thưởng
2.	Mẫu số 02	Báo cáo thành tích đề nghị danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”
3.	Mẫu số 03	Báo cáo thành tích đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”
4.	Mẫu số 04	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng công trạng cho tập thể
5.	Mẫu số 05	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng công trạng cho cá nhân
6.	Mẫu số 06	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng đột xuất
7.	Mẫu số 07	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến
8.	Mẫu số 08	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng thi đua theo chuyên đề
9.	Mẫu số 09	Báo cáo thành tích đề nghị Anh hùng cho tập thể
10.	Mẫu số 10	Báo cáo thành tích đề nghị Anh hùng cho cá nhân
11.	Mẫu số 11	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng đối ngoại cho tập thể
12.	Mẫu số 12	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng đối ngoại cho cá nhân
13.	Mẫu số 13	Xác nhận sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC¹CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc³Số: /TTr-...²......⁴..., ngày ... tháng ... năm...**TỜ TRÌNH**
Về việc đề nghị tặng (truy tặng)....⁵
(Khen thưởng ...⁶)

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày /... /2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ.....⁷ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....²Căn cứ.....⁸ ;² kính trình Thủ tướng Chính phủ:Xét tặng/truy tặng (danh hiệu ..⁵.....) cho.....tập thể/.....hộ gia đình/.... cá nhân.Hoặc xét, tặng/truy tặng (hình thức khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁹) cho.. .tập thể/... cá nhân.Hoặc xét, trình Chủ tịch nước tặng/truy tặng (hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước¹⁰) cho..... tập thể/.....hộ gia đình/.... cá nhân.

Đã có thành tích.....

Các trường hợp đề nghị khen thưởng trên đã được¹ xét duyệt, thẩm định đảm bảo đúng quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định hiện hành.

Các ý kiến của cơ quan liên quan như sau:

- 1.
- 2.

(Có danh sách và hồ sơ đề nghị khen thưởng kèm theo)

Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Ban TĐKTTW;
- Lưu: VT,¹¹ ...¹²

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của
cơ quan, tổ chức)**Họ và tên**

Ghi chú:

- ¹ Tên cơ quan, tổ chức trình khen.
- ² Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.
- ³ Đối với các Ban đảng thực hiện theo thể thức văn bản của Đảng.
- ⁴ Địa danh.
- ⁵ Ghi rõ tên danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đề nghị. Lập riêng tờ trình theo thẩm quyền khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ hoặc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch nước.
- ⁶ Ghi rõ loại hình khen thưởng: công trạng, đột xuất, chuyên đề, cống hiến, niên hạn, đối ngoại, khen thưởng theo thủ tục đơn giản.
Đối với các danh hiệu vinh dự Nhà nước trừ danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thực hiện theo mẫu Tờ trình tại các Nghị định của Chính phủ về từng ngành, lĩnh vực.
- ⁷ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị trình khen.
- ⁸ Ghi rõ căn cứ đề nghị khen thưởng (điểm, khoản, điều, tên văn bản).
- ⁹ Hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc. Danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Chính phủ: Cờ thi đua của Chính phủ.
- ¹⁰ Hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước: Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước.
- ¹¹ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- ¹² Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

¹Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH **ĐỀ NGHỊ TẶNG DANH HIỆU “CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ”**

Tên tập thể đề nghị ²

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ trang tin điện tử.
2. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC³

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ.

Nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về hiệu quả, năng suất, chất lượng, kết quả công tác so với năm trước; việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; nghiên cứu khoa học, công nghệ áp dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với cơ quan, đơn vị.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁴.

¹ Ghi rõ địa danh.

² Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, đậm, không viết tắt.

³ Báo cáo thành tích trong 01 năm đối với Cờ thi đua hàng năm, 05 năm đối với Cờ thi đua trong phong trào thi đua theo chuyên đề.

⁴ Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; hoạt động xã hội, từ thiện...

4. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể⁵.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁶

Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

⁵ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể; tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể thì trong báo cáo thành tích phải ghi rõ “tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh” trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

⁶ Đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua Chính phủ theo chuyên đề 05 năm.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

¹Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG DANH HIỆU “CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC”

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm:Giới tính:Dân tộc, tôn giáo
- Quê quán²:
- Nơi thường trú²:
- Cơ quan, địa phương công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có):
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân³:

Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong giai đoạn lập thành tích, kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý; đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...(nếu có).

¹ Ghi rõ địa danh.

² Đơn vị hành chính: Xã (phường, đặc khu); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

³ Báo cáo thành tích liên tục 06 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Ghi rõ nội dung các sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) đối với danh hiệu thi đua áp dụng tiêu chuẩn là sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ hoặc ghi rõ thành tích thể hiện sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu đối với danh hiệu thi đua áp dụng tiêu chuẩn là sự mưu trí, sáng tạo kèm theo hình thức khen thưởng đã được tặng.

Đối với người làm công tác lãnh đạo, quản lý: nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội trong thời gian tính thành tích đề nghị tặng danh hiệu thi đua.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁴

Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

⁴ Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, ngành, tỉnh và 06 lần đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trước thời điểm đề nghị.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***¹Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...***BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG²
(Khen thưởng thành tích công trạng)****Tên tập thể đề nghị ³****I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

1. Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ trang tin điện tử:
2. Chức năng, nhiệm vụ được giao

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC⁴

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ.

Tuỳ theo hình thức đề nghị khen thưởng, nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về hiệu quả, năng suất, chất lượng, kết quả công tác so với giai đoạn trước khi đề nghị khen thưởng; việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; nghiên cứu khoa học, công nghệ áp dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước. ⁵

¹ Ghi rõ địa danh.

² Ghi hình thức khen thưởng đề nghị xét tặng.

³ Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, đậm, không viết tắt.

⁴ Báo cáo thành tích liên tục từ 25 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng; liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công; liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

⁵ Tuỳ theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, có so sánh trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng, ví dụ:

- Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội.

- Đối với trường học: Báo cáo phải thể hiện rõ kết quả về công tác tổ chức và quản lý, quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế (đối với cơ sở đào tạo), có so sánh với giai đoạn trước khi khen thưởng.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁶.

4. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể⁷.

III. KẾT QUẢ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ; DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁸

1. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc ngày tháng năm của văn bản xác nhận

2. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

3. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội ...).

⁶ Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; hoạt động xã hội, từ thiện...

⁷ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể; đối với tập thể đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo tiêu chuẩn có tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh thì trong báo cáo thành tích phải ghi rõ "tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh" trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

⁸ Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo tiêu chuẩn từng hình thức khen thưởng; các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng là tiêu chuẩn để đề nghị hình thức khen thưởng công trạng. Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc¹Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...**BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG²**
(Khen thưởng thành tích công trạng)**I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH**

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:Dân tộc, tôn giáo.
- Quê quán³:
- Nơi thường trú³:
- Cơ quan, địa phương công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có):
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân⁴:

Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong giai đoạn lập thành tích tương ứng với tiêu chuẩn của hình thức khen thưởng được đề nghị (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý; đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...(nếu có).

- Đối với người làm công tác lãnh đạo, quản lý: nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

¹ Ghi rõ địa danh.² Ghi hình thức khen thưởng đề nghị xét tặng.³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, đặc khu); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).⁴ Báo cáo thành tích liên tục trong khoảng thời gian lập thành tích là tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng (05 năm trở lên đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Huân chương ...).

- Đối với trường học: Báo cáo phải thể hiện rõ kết quả về công tác tổ chức và quản lý, quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế (đối với cơ sở đào tạo), có so sánh với giai đoạn trước khi khen thưởng.

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội ...).

- Đối với các hội đoàn thể: lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác trọng tâm, các chương trình công tác của trung ương hội, đoàn thể giao.

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trong quản lý nhà nước; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương.

III. KẾT QUẢ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ; DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁵

1. Quyết định công nhận hoặc văn bản xác nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

3. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

⁵ Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo tiêu chuẩn khen thưởng đối với từng hình thức; các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng là tiêu chuẩn để đề nghị hình thức khen thưởng công trạng. Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định.